

Soạn Skills 2 - Unit 4 lớp 9 SGK trang 47

1. An old man is talking about his school days. Listen and decide ...

(Một người đàn ông lớn tuổi đang kể về ngày tháng đi học của mình. Nghe và xem câu nào đúng(T), sai(F), hay không có thông tin (NG).)

1. F	2. T	3. T	4. NG	5. F	6. T
------	------	------	-------	------	------

Hướng dẫn dịch

1. Trường có các lớp cho các nhóm tuổi khác nhau.
2. Tất cả các môn được dạy bởi một giáo viên.
3. Vài học sinh không mang giày đến trường.
4. Các học sinh không có kỳ thi bởi vì chúng sẽ tốn phí rất nhiều.
5. Những học sinh có thể nói chuyện với giáo viên của họ bất cứ khi nào họ muốn.
6. Giáo viên không cho học sinh bất kỳ bài tập nào.

Nội dung bài nghe:

I went to a village school. In fact, there was only one classroom for 15 students of different ages, both boys and girls, and one teacher who taught everything. The school didn't have a name, so we just called it 'our school'. We used to walk to school. Some children went bare-footed.

At school we learnt to read and to write. We also learnt a little maths and history. There were no science lessons, and we didn't have exams, either.

Although our school was small, it had strict rules. We had to behave ourselves. We stood up and bowed to greet our teacher at the start of every lesson. We could talk only when we were allowed to. However, I had no homework and no extra classes.

I had a lot of time to play outside and to help my parents in the house. I loved my school and those school days.

Hướng dẫn dịch

Tôi đi học ở trường học làng. Trên thực tế, chỉ có một lớp học cho 15 học sinh ở các độ tuổi khác nhau, cả nam lẫn nữ, và một giáo viên đã dạy mọi thứ. Nhà trường không có tên, vì vậy chúng tôi chỉ gọi là 'trường học của chúng tôi'. Chúng tôi thường đi bộ đến trường. Nhiều đứa trẻ đi chân trần.

Ở trường, chúng tôi đã học cách đọc và viết. Chúng tôi cũng đã học được một ít toán học và lịch sử. Không có môn khoa học, và chúng tôi cũng không có các kỳ thi.

Mặc dù trường chúng tôi còn nhỏ nhưng nó có các quy tắc nghiêm ngặt. Chúng tôi đã phải tự ứng xử. Chúng tôi đứng dậy và cúi chào chào đón giáo viên của chúng tôi vào đầu mỗi bài học. Chúng ta chỉ có thể nói khi chúng tôi được phép. Tuy nhiên, tôi không có bài tập ở nhà và không có lớp học thêm. Tôi đã có rất nhiều thời gian để chơi bên ngoài và để giúp cha mẹ tôi trong nhà. Tôi yêu trường học của tôi và những ngày ở trường.

2. Listen again and fill the blanks with the correct information.

(Lắng nghe lần nữa và điền vào chỗ trống với thông tin đúng.)

Bài nghe:

1. 15	2. bare-footed	3. maths. history	4. strict rules	5. extra classes
-------	----------------	-------------------	-----------------	------------------

Audio script

I went to a village school. In fact, there was only one classroom for 15 students of different ages, both boys and girls, and one teacher who taught everything. The

school didn't have a name, so we just called it "our school". We used to walk to school. Some children went bare-footed.

At school we learnt to read and to write. We also learnt a little maths and history. There were no science lessons, and we didn't have exams, either.

Although our school was small, it had strict rules. We had to behave ourselves. We stood up and bowed to greet our teacher at the start of every lesson. We could talk only when we were allowed to. However, we had no homework and no extra classes. I had a lot of time to play outside and to help my parents in the house. I loved my school and those school days.

3. Make a list of the facilities you are using in your studies nowadays. ...

(Lập 1 danh sách cơ sở vật chất bạn đang sử dụng cho việc học tập. Tích vào những thứ bạn nghĩ là đã không được sử dụng cách đây 20 năm.)

Các phương tiện hiện tại giúp cho việc học:

- projector: máy chiếu
- computer: máy tính
- USB
- Library
- Laptop/ Mobile

4. Choose one facility which was not available twenty years ago and write a short description

(Chọn một phương tiện không thích hợp với 20 năm trước và viết một miêu tả ngắn về việc làm sao các học sinh trong quá khứ học mà không cần phương tiện này.)

It is most likely that students twenty years ago were not able to enjoy the Internet in their studies. That's why it took them a lot of time, energy, and even money, to do a project that we can now easily complete in one or two days.

For example, when being asked to write an assignment about past habits, the students had to go to the library, look for books on the topic, read the books, and hand-write any information that they thought was useful for their assignment. They would also have to meet with some old people and talk to them about the past. At home, they had to hand-write their assignment, possibly with a lot of erasing and rewriting of the first draft. After finishing the draft, they had to write a clean copy on another piece of paper for submission.

Hướng dẫn dịch

Hầu như học sinh 20 năm về trước không thể vào Internet để học. Đó là tại sao họ mất rất nhiều thời gian, năng lượng và thậm chí cả tiền bạc để làm một bài thu hoạch mà bây giờ chúng ta có thể dễ dàng hoàn thành trong một hoặc 2 ngày.

Ví dụ như khi được yêu cầu viết 1 bài thu hoạch về các thói quen trong quá khứ, các học sinh phải đến thư viện, tìm sách theo đề tài, đọc sách và viết tay bất kỳ thông tin nào mà họ nghĩ là hữu ích đối với bài thu hoạch của họ. Họ cũng sẽ gặp gỡ 1 vài người lớn tuổi và nói với họ về quá khứ. Ở nhà, họ phải viết tay bài thu hoạch, có thể phải tẩy xóa và viết lại nhiều bản đầu tiên, họ phải viết một bản sao sạch sẽ trên 1 tờ giấy khác để nộp.